

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG BẰNG KHEN THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về thành tích xuất sắc trong việc kết nối, cập nhật, đồng bộ dữ liệu cán bộ công chức, viên chức của các bộ, ngành, địa phương với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước

Kính gửi: Hội đồng thi đua, khen thưởng

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Họ và tên: **Vũ Đăng Minh**

Ngày sinh: 25/5/1964

Quê quán: Xã Thụy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Nơi thường trú: Số nhà 49, Tổ 5, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Nghề nghiệp: Công chức

Chức vụ: Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ, Tổ trưởng, Tổ Công tác triển khai Đề án 06 của Bộ Nội vụ

Đơn vị công tác: Văn phòng Bộ Nội vụ

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó nhấn mạnh yêu cầu cấp bách để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số.

Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 11/7/2014 của Bộ Chính trị về việc “Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế”;

Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Quyết định 893/QĐ-TTg, ngày 25 tháng 6 năm 2020 phê duyệt Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước;

Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Thành tích đạt được

Thực hiện Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước; Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022- 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Bộ Nội vụ đã triển khai xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức. Đồng thời, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm của Bộ Nội vụ và các bộ, ngành, địa phương; góp phần thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình chuyển đổi số.

Xác định tầm quan trọng của chuyển đổi số trong mọi mặt hoạt động, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ đã ban hành Nghị quyết số 21-NQ/BCSD về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, xác định nhiệm vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức là nhiệm vụ quan trọng của 3 trụ cột trong chuyển đổi số của Bộ Nội vụ. Quy mô dự kiến quản lý khoảng 2,5 triệu hồ sơ về cán bộ, công chức, viên chức trong cả nước. Vì vậy, việc đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trong chia sẻ dữ liệu là nhiệm vụ được Bộ Nội vụ ưu tiên hàng đầu. Thành phần cán bộ, công chức, viên chức nhà nước bao gồm: Cán bộ, công chức quy định trong Luật cán bộ, công chức; viên chức được quy định trong Luật Viên chức và những người lao động theo hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, nay là Nghị định số 111/2022/NĐ-CP về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

Ngày 28/12/2022, Thủ tướng Chính phủ và Lãnh đạo các Bộ, ngành khai trương Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức (CSDLQG về CBCCVC) trong các cơ quan nhà nước do Bộ Nội vụ quản lý. Khi đó để có dữ liệu phục vụ cho việc khai trương, Bộ Nội vụ yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tạm thời cập nhật một số dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức lên hệ thống bằng file Excel. Tuy nhiên, số lượng dữ liệu ít, cập nhật đạt 0,8% tổng số dữ liệu, không đảm bảo Đúng- Đủ- Sạch- Sống, việc cập nhật bằng tay vào hệ thống, không đảm bảo các tiêu chí của Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ hiện đại.

Trước tình hình đó, Bộ trưởng Bộ Nội vụ trực tiếp chỉ đạo Tổ Công tác triển khai Đề án 06 của Bộ Nội vụ khẩn trương đôn đốc, hướng dẫn, hỗ trợ các Bộ, ngành, địa phương thực hiện cập nhật, kết nối, đồng bộ dữ liệu với CSDLQG về CBCCVC.

Với vai trò Tổ trưởng Tổ Công tác, đã chỉ đạo Tổ công tác thực hiện việc khảo sát, rà soát thực tiễn phần mềm của các bộ, ngành, địa phương. Kết quả cho thấy các

phần mềm của bộ, ngành, địa phương rất lạc hậu, thiếu trọng các trường thông tin, không đáp ứng yêu cầu kết nối phần mềm/CSDL với CSDLQG về CBCCVC. Do vậy, không thể cập nhật, kết nối, đồng bộ dữ liệu được. Bên cạnh đó, các bộ, ngành, địa phương không có kinh phí để nâng cấp phần mềm/CSDL của Bộ, ngành, địa phương mình. Các văn bản hướng dẫn về kỹ thuật các trường thông tin, dữ liệu chưa đầy đủ, chưa cụ thể, văn bản hướng dẫn thực hiện kết nối chưa có. Tình hình thực tiễn cho thấy, việc kết nối, cập nhật, đồng bộ dữ liệu CBCCVC của các Bộ, ngành, địa phương với CSDLQG về CBCCVC là vô cùng khó khăn.

Với thực trạng khó khăn, vướng mắc như trên, với vai trò là Tổ trưởng Tổ công tác triển khai Đề án 06 của Bộ Nội vụ, tôi đã chủ động đưa ra các sáng kiến giải pháp như sau:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và đồng chí Chuyên gia công nghệ số của Bộ Thông tin và Truyền thông gấp rút nghiên cứu xây dựng, dự thảo Văn bản số 639/BNV-VP ngày 21/3/2023, văn bản số 955/BNV-VP ngày 08/3/2023 hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu các Hệ thống thông tin/CSDL về CBCCVC của các Bộ, ngành, địa phương với CSDLQG về CBCCVC thông qua trực liên thông NDXP.

- Chủ trì thảo luận, trao đổi với Lãnh đạo Tập đoàn VNPT và Lãnh đạo Công ty cổ phần Misa đưa ra giải pháp: Bộ Nội vụ đề nghị Tập đoàn VNPT và Công ty cổ phần Misa mỗi đơn vị xây dựng một phần mềm/CSDL đóng gói, đáp ứng các yêu cầu về cập nhật, kết nối, đồng bộ dữ liệu với CSDLQG về CBCCVC để hỗ trợ các Bộ, ngành, địa phương có nhu cầu sử dụng đến hết Quý 4/2023, hỗ trợ nhân lực để hướng dẫn việc cập nhật, kết nối, đồng bộ dữ liệu. Sau đó, nếu các Bộ ngành, địa phương có nhu cầu sử dụng tiếp Tập đoàn VNPT hoặc Công ty cổ phần Misa sẽ tiếp tục cung ứng dịch vụ trên nguyên tắc của Luật đấu thầu. Trường hợp, các Bộ, ngành, địa phương không sử dụng dịch vụ của Tập đoàn VNPT hoặc Công ty cổ phần Misa, các đơn vị này cam kết sẽ hoàn trả đầy đủ dữ liệu cho đơn vị đang được hỗ trợ phần mềm/CSDL.

Trên cơ sở sáng kiến đó, Tổ trưởng Tổ công tác báo cáo xin ý kiến của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt và trực tiếp chỉ đạo thành viên Tổ công tác đã triển khai tổ chức trên 14 Hội nghị trực tiếp và trực tuyến hướng dẫn, hỗ trợ cập nhật, kết nối, đồng bộ với 33 Bộ, ngành và Viện Kiểm sát tối cao, Tòa án Tối cao, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch Nước..., 63 tỉnh, thành phố theo khối, cụm thi đua (05 Hội nghị các cụm thi đua, 01 Hội nghị các Bộ, ngành, và nhiều Hội nghị với các tỉnh, thành phố và các cuộc họp trực tiếp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ) để hỗ trợ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các Bộ, ngành, địa phương.

Kết quả: 20 Bộ, ngành và 45 Tỉnh, thành phố đã sử dụng phần mềm/CSDL miễn phí đến hết quý I/2024 của Tập đoàn VNPT.

Việc hướng dẫn, hỗ trợ kết nối, cập nhật, đồng bộ dữ liệu bắt đầu triển khai thực hiện sáng kiến từ tháng 3/2023, đến 14/12/2023: 100% Bộ, ngành, địa phương kết nối trực tiếp qua API (96 đầu mối), dữ liệu được cập nhật, đồng bộ về CSDLQG về CBCCVC các Bộ, ngành là: 231.961; Dữ liệu của địa phương là 2.020.464 đạt 99,44%, đảm bảo Đúng- Đủ- Sạch.

Từ 30/10/2023 đến 30/12/2023 dữ liệu đảm bảo **Đúng- Đủ- Sạch- Sống**.

3. Phạm vi của thành tích được áp dụng

- Phạm vi của giải pháp áp dụng đối với 33 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch Nước, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa Án nhân dân Tối cao... và 63 tỉnh, thành phố trên cả nước.

- Khả năng áp dụng: Giải pháp của sáng kiến có tính khả thi cao, giúp các Bộ, ngành, địa phương thực hiện xây dựng phần mềm/CSDL, cập nhật, đồng bộ dữ liệu CBCCVC của Bộ, ngành, địa phương với CSDLQG về CBCCVC đảm bảo **Đúng- Đủ- Sạch- Sống**, giúp các Bộ, ngành, địa phương khai thác dữ liệu phục vụ cho công tác tổ chức, công tác cán bộ và một số công tác khác đạt hiệu quả cao đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số.

4. Tài liệu kèm theo

- Quyết định số 72/QĐ-BNV ngày 13/02/2023 của Bộ trưởng ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ thuộc Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 của Bộ Nội vụ năm 2023.

- Bảng thống kê kết quả cập nhật, đồng bộ dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương tính đến ngày 14/12/2023.

Xin trân trọng báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng Bộ Nội vụ xem xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen có thành tích đột xuất trong việc hướng dẫn, đồng đốc kết nối, cập nhật, đồng bộ dữ liệu cán bộ công chức, viên chức của các Bộ, ngành, địa phương với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước./.

**XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO BỘ
PHỤ TRÁCH ĐƠN VỊ
BỘ TRƯỞNG**

Phạm Thị Thanh Trà

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH

Vũ Đăng Minh

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về thành tích xuất sắc đột xuất trong tham mưu xây dựng thể chế

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ và tên: Nguyễn Tư Long
- Ngày, tháng, năm sinh: 22/02/1976 Giới tính: Nam
- Quê quán: Mai Lâm, Du Lâm, Đông Anh, Hà Nội
- Trú quán: 47 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội
- Đơn vị công tác: Vụ Công chức – Viên chức, Bộ Nội vụ
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Phó Vụ trưởng
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: 12/12
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng: Thạc sĩ Luật

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc đảm nhận: Tham mưu xây dựng các Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định về cán bộ, công chức, viên chức¹.

2. Thành tích đạt được của cá nhân:

Thực hiện nhiệm vụ được giao năm 2023, tôi cùng tập thể Lãnh đạo, công chức trong Vụ đã nỗ lực, cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ trọng tâm, góp phần vào kết quả thực hiện nhiệm vụ Chương trình công tác năm 2023 của Bộ Nội vụ. Theo sự chỉ đạo của Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ, Lãnh đạo Bộ và Vụ trưởng, tôi đã trực tiếp tham

¹ Bao gồm các Nghị định sau của Chính phủ: (1) Nghị định số 48/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; (2) Nghị định số 69/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; (3) Nghị định số 71/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; (4) Nghị định số 85/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

muu giúp Bộ trình Chính phủ ban hành các Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định về cán bộ, công chức, viên chức nhằm triển khai hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư liên quan đến công tác cán bộ², cụ thể như sau:

a) Tham mưu Lãnh đạo Bộ trình Chính phủ ban hành Nghị định số 48/2023/NĐ-CP

Để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất giữa quy định của Đảng và pháp luật, tại Nghị định đã bổ sung nguyên tắc bị xử lý kỷ luật thì đương nhiên xếp loại chất lượng không hoàn thành nhiệm vụ; bổ sung tỷ lệ xếp loại chất lượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức để bảo đảm thống nhất với tỷ lệ xếp loại chất lượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với đảng viên.

Ngoài ra, để giải quyết khó khăn, vướng mắc của Bộ, ngành, địa phương, tại Nghị định đã sửa đổi quy định về nguyên tắc đánh giá, xếp loại chất lượng đối với trường hợp bị xử lý kỷ luật đảng và kỷ luật chính quyền về cùng một hành vi nhưng quyết định kỷ luật ban hành trong 02 năm khác nhau; bổ sung quy định nguyên tắc đã bị kỷ luật đảng hoặc kỷ luật hành chính thì xếp loại chất lượng không hoàn thành nhiệm vụ trong năm đánh giá và sửa đổi quy định về việc ban hành Quy chế đánh giá để phù hợp với thực tiễn thực hiện.

Nghị định số 48/2023/NĐ-CP được ban hành đã giải quyết cơ bản những tình huống phát sinh trong công tác đánh giá, xếp loại cán bộ; tạo sự thống nhất trong quá trình triển khai, thực hiện tại các Bộ, ngành, địa phương.

b) Tham mưu Lãnh đạo Bộ trình Chính phủ ban hành Nghị định số 69/2023/NĐ-CP

Tại Nghị định đã thể chế hóa đầy đủ các quy định của Đảng về công tác cán bộ, trong đó có nội dung về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ; điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ; từ chức, miễn nhiệm và thôi làm người đại diện phần

² Quy định tại các văn bản cụ thể: Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị; Quy định số 41-QĐ/TW ngày 03/11/2021 về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ; Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27/12/2021 về quy hoạch cán bộ; Quy định số 65-QĐ/TW ngày 25/4/2022 về luân chuyển cán bộ; Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; Quy định số 80-QĐ/TW ngày 18/8/2022 về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Thông báo số 20-TB/TW ngày 08/9/2022 về chủ trương bố trí cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý sau khi bị kỷ luật; Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW ngày 26/7/2021 hướng dẫn một số nội dung về tuổi bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW ngày 20/9/2022 hướng dẫn điểm 3 Thông báo số 20-TB/TW ngày 08/9/2022 của Bộ Chính trị về chủ trương bố trí cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý sau khi bị kỷ luật.

vốn nhà nước tại doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung các quy định về kỷ luật và đánh giá, xếp loại với người giữ chức vụ, chức danh và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Qua quá trình tiếp thu ý kiến của Bộ, ngành, địa phương, tôi đã tham mưu sửa đổi quy định về cách xác định “tập thể lãnh đạo doanh nghiệp” để bảo đảm thống nhất trong quá trình thực hiện; bổ sung cách xác định thời điểm nghỉ hưu, thời điểm hưởng chế độ hưu trí để đồng bộ với quy định của pháp luật về lao động. Đồng thời, tham mưu quy định doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc thẩm quyền thành lập của Chính phủ có về thẩm quyền quyết định quy định Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty mà không cần có ý kiến của Bộ Nội vụ.

c) Tham mưu Lãnh đạo Bộ trình Chính phủ ban hành Nghị định số 71/2023/NĐ-CP

Các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định đã bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với quy định của Đảng về kỷ luật cán bộ. Theo đó, tại Nghị định sửa đổi quy định về thời hiệu xử lý kỷ luật; quy định về nguyên tắc áp dụng trong trường hợp có 02 hành vi vi phạm bị xử lý tại một thời điểm; thời hạn xử lý kỷ luật hành chính sau khi có quyết định xử lý kỷ luật đảng; thống nhất về thời điểm có hiệu lực của quyết định xử lý kỷ luật đảng với quyết định xử lý kỷ luật hành chính; trường hợp có hành vi vi phạm mới thì thời hiệu xử lý kỷ luật đối với hành vi vi phạm cũ được tính lại kể từ thời điểm xảy ra hành vi vi phạm mới.

Theo phản ánh về những khó khăn, vướng mắc của Bộ, ngành, địa phương trong quá trình áp dụng Nghị định số 112/2020/NĐ-CP, tôi đã tham mưu sửa đổi các nội dung về đối tượng áp dụng của Nghị định để phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2019; sửa đổi quy định về thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức khi đã chuyển sang cơ quan, tổ chức, đơn vị mới mới phát hiện hành vi vi phạm tại nơi công tác cũ; sửa đổi quy trình, thủ tục xử lý kỷ luật, cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm xử lý nghiêm minh, khách quan, chính xác; bổ sung quy định về đương nhiên tạm đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cán bộ, công chức, viên chức bị tạm giữ, tạm giam để giải quyết khó khăn, cắt giảm thủ tục hành chính.

Nghị định được ban hành đã tạo sự đồng thuận cao của các cơ quan có liên quan; góp phần giúp các Bộ, ngành, địa phương triển khai có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong công tác cán bộ.

d) Tham mưu Lãnh đạo Bộ trình Chính phủ ban hành Nghị định số 85/2023/NĐ-CP

Ngoài các nội dung được sửa đổi, bổ sung bảo đảm thể chế hóa kịp thời các quy định của Đảng về bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, ... và giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đã quy định các nội dung lớn tạo sự đồng thuận cao trong toàn hệ thống chính trị, cụ thể là:

(1) Bổ sung quy định cho phép thí sinh được đăng ký 02 nguyện vọng ở các vị trí việc làm có tiêu chuẩn, điều kiện giống nhau nhằm mở rộng cơ hội cho thí sinh, thu hút nhân tài vào làm việc trong khu vực công; đồng thời, cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng không cần thiết phải tổ chức thêm kỳ tuyển dụng trong trường hợp không tuyển đủ nhân sự.


(2) Bỏ hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức: Từ thực trạng quản lý và đánh giá tác động của việc thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp, tại Nghị định đã được sửa đổi theo hướng bỏ hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp (giữ hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp). Theo đó, để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong thực hiện, Nghị định cũng bổ sung quy định về nội dung, hình thức xét thăng hạng; xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng; thông báo kết quả xét thăng hạng; quy định trách nhiệm của Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành (bao gồm cả viên chức hành chính và viên chức văn thư do Bộ Nội vụ quản lý) quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng đối với viên chức từ hạng III lên hạng II và từ hạng II lên hạng I thuộc ngành, lĩnh vực quản lý gắn với yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét, bảo đảm yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và quyền lợi của người lao động; đối với viên chức hạng V sẽ được xét lên hạng IV (tương ứng nhân viên lên cán sự), hạng IV sẽ được xét lên hạng III (tương ứng cán sự lên chuyên viên) nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định và đang công tác tại vị trí việc làm phù hợp.

(3) Sửa đổi quy định nhằm đẩy mạnh phân cấp trong tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức: Thực hiện chủ trương tiếp tục đẩy mạnh phân cấp trong tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và để phù hợp với quy định bỏ hình thức thi thăng hạng, Nghị định bổ sung các quy định: Bỏ các quy định các Bộ, ngành, địa phương phải thống nhất với Bộ Nội vụ trong một số nội dung công tác tuyển dụng, sử dụng viên chức; bỏ quy định Bộ Nội vụ ban hành Nội quy, Quy chế thi hoặc xét; chủ trì xây dựng ngân hàng câu hỏi, đáp án môn kiến thức chung; về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I: Quy định thẩm quyền thuộc cơ quan quản lý (Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thay vì Bộ quản lý viên chức chuyên ngành như trước đây; về thẩm quyền quản lý, sử dụng (bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương, nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung...) đối với viên


chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II trở xuống: Quy định thẩm quyền thuộc cơ quan quản lý (đối với cấp tỉnh thì thẩm quyền này giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); cơ quan quản lý quyết định việc phân cấp, ủy quyền thực hiện đối với từng nội dung quản lý và quy định phân cấp thẩm quyền cho đơn vị sự nghiệp nhóm 1 và đơn vị sự nghiệp nhóm 2 (đơn vị sự nghiệp tự chủ đã được phân cấp thẩm quyền tuyển dụng, quyết định số lương người làm việc, vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp) về quản lý, sử dụng và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, xếp lương loại A2 trở xuống.

Nghị định được ban hành đã giải quyết cơ bản những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện của Bộ, ngành, địa phương; giảm tải gánh nặng thi cử và bảo đảm quyền lợi cho đội ngũ; là cơ sở nâng cao hiệu quả quản lý viên chức. Trên các phương tiện truyền thông đại chúng, Nghị định nhận được sự đồng thuận cao của đông đảo đội ngũ trên toàn quốc, nhất là viên chức y tế, giáo dục.


**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ**


Nguyễn Tuấn Minh

NGƯỜI VIẾT BÁO CÁO


Nguyễn Tư Long

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN


Nguyễn Duy Thắng

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TẶNG BẰNG KHEN CHO CÁ NHÂN
ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH TRONG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

I. THÔNG TIN CHUNG

- Họ và tên: **Phan Trung Tuấn**.
- Sinh ngày: 15/11/1975. Giới tính: Nam.
- Quê quán: xã Thanh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 40, Ngõ 189, Phố Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Đơn vị công tác: Vụ Chính quyền địa phương, Bộ Nội vụ.
- Chức vụ: Bí thư Chi bộ, Vụ trưởng.
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Thạc sỹ Luật.

II. THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

1. Nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc đảm nhận:

Với vai trò Vụ trưởng, người đứng đơn vị, cá nhân tôi đã cùng tập thể lãnh đạo, công chức Vụ nỗ lực cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, bảo đảm tiến độ, đạt chất lượng tham mưu các nhiệm vụ được Bộ trưởng, Lãnh đạo Bộ phân công theo Chương trình công tác.

2. Thành tích đạt được của cá nhân

Triển khai các thực hiện các định hướng của Đảng tại Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương; theo chỉ đạo của Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng, Tôi đã trực tiếp chỉ đạo công chức Vụ xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2022-2030 trình các cấp có thẩm quyền xem xét, trước khi trình Bộ Chính trị thông qua và Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Kết luận của Bộ Chính trị là định hướng rất quan trọng để từ đó các cấp có thẩm quyền (Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương) ban hành các thể chế, chính sách, pháp luật để tổ chức thực hiện việc sắp xếp ĐVHC cấp

huyện, cấp xã trong giai đoạn 2023 - 2030, trước mắt thực hiện giai đoạn đầu là 2023-2025, cụ thể như sau:

1. Tham mưu giúp Bộ trình Chính phủ thông qua và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2023-2030

Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 được xây dựng và ban hành trên cơ sở đánh giá, tổng kết kỹ lưỡng quá trình và kết quả thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021, từ đó đã đề xuất các nội dung phù hợp với yêu cầu của thực tiễn nhằm thực hiện tốt việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, đặc biệt là Nghị quyết này đã giải quyết được 05 vướng mắc, khó khăn, bất cập lớn nảy sinh trong việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021, cụ thể là: (1) Số lượng ĐVHC chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định còn nhiều¹; (2) Việc sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư chưa kịp thời (còn phải tiếp tục giải quyết chế độ, chính sách đối với 345/706 (48,9%) cán bộ, công chức cấp huyện và 3.048/9.705 (31,4%) cán bộ, công chức cấp xã dôi dư); (3) Chất lượng đô thị ở các ĐVHC được thành lập chưa được bảo đảm; (4) Việc bố trí, sắp xếp các trụ sở cơ quan, đơn vị dôi dư tại một số địa phương còn nhiều bất cập; (5) Việc thực hiện các chính sách đặc thù đối với các ĐVHC cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp chưa được hướng dẫn cụ thể. Những vướng mắc, bất cập nêu trên do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân từ chính sách và quy định của pháp luật còn chưa phù hợp với thực tiễn, khó khăn trong quá trình thực hiện ở các địa phương.

Tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 đã hoàn thiện các quy định để giải quyết các bất cập, vướng mắc nêu trên như sau:

a) Quy định cụ thể các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp trong 02 giai đoạn, phù hợp với thực tiễn thực hiện sắp xếp

- Giai đoạn 2023-2025: (1) ĐVHC cấp huyện, cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn quy định; (2) ĐVHC cấp huyện đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn quy định; và (3) ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn quy định.

- Giai đoạn 2026 - 2030: (1) ĐVHC cấp huyện, cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% tiêu chuẩn quy định; (2) ĐVHC cấp huyện đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn quy định; và (3) ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn quy định.

b) Quy định nguyên tắc thực hiện sắp xếp ĐVHC phải bảo đảm yêu cầu về chất lượng đô thị

¹ Theo thống kê đến ngày 31/12/2021, có 18/63 ĐVHC cấp tỉnh (chiếm 28,57%), 127/705 ĐVHC cấp huyện (chiếm 18,01%) và 2.438/10.599 ĐVHC cấp xã (chiếm 23,0%) là đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số.

Việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch nông thôn, quy hoạch đô thị hoặc các quy hoạch khác có liên quan.

c) Về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp

Nghị quyết quy định về nguyên tắc các ĐVHC phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định. Tuy nhiên, do thực tiễn có trường hợp vì các điều kiện khách quan mà ĐVHC sau sắp xếp không đạt các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số, theo đó để bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn và để đạt được mục tiêu đề ra tại Kết luận số 48-KL/TW, Nghị quyết quy định chặt chẽ các điều kiện phải đạt được về tiêu chuẩn dân số, diện tích tự nhiên của ĐVHC sau sắp xếp đối với các ĐVHC có yếu tố đặc thù. Đồng thời để khuyến khích việc giảm số lượng ĐVHC, Nghị quyết quy định khi sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã mà giảm được số lượng ĐVHC thì không xem xét tiêu chuẩn về số ĐVHC trực thuộc.

d) Về sắp xếp tổ chức bộ máy, số lượng lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

Trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp của Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 và thực tiễn sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021, Nghị quyết có điều chỉnh một số quy định mới nhằm tạo thuận lợi nhất cho quá trình thực hiện sắp xếp ĐVHC tại các địa phương:

- Quy định thời điểm tạm dừng bầu, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý và dừng tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, tổ chức nơi sắp xếp ĐVHC là kể từ ngày UBND cấp tỉnh trình Chính phủ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của địa phương nhằm bảo đảm các địa phương có thời gian rà soát, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cho phù hợp.

- Quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC có hiệu lực thi hành, các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC mới phải hoàn thành xong việc sắp xếp và kiện toàn tổ chức bộ máy (nếu tính cả 45 ngày kể từ ngày Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết mới có hiệu lực thi hành thì tổng thời gian để các địa phương tiến hành việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy là 75 ngày).

- Đối với số lượng cán bộ, công chức cấp xã tại các ĐVHC hình thành sau sắp xếp: Nghị quyết giao Chính phủ quy định về số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã phù hợp với quy mô dân số, diện tích tự nhiên, đặc điểm và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp.

đ) Về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư do thực hiện sắp xếp ĐVHC

Nghị quyết quy định cụ thể các chế độ, chính sách được áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư do thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã, đồng thời giao Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đặc

thù để khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư nghỉ việc do thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã. Ngày 03/6/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 29/2023/NĐ-CP quy định về tinh giản biên chế², trong đó có quy định cụ thể một số chính sách vượt trội áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, như: Chính sách nghỉ hưu trước tuổi; chính sách chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước; chính sách thôi việc; chính sách tinh giản biên chế nhằm khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện nghỉ việc sau khi sắp xếp ĐVHC.

e) Về sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC

Để kịp thời sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau khi sắp xếp ĐVHC, Nghị quyết quy định trong quá trình xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC thì UBND cấp tỉnh và các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan đồng thời lập danh sách và dự kiến phương án sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công thuộc phạm vi quản lý; trong thời hạn 02 năm kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC có hiệu lực thi hành phải hoàn thành việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, đơn vị tại ĐVHC thực hiện sắp xếp.

g) Về áp dụng chế độ, chính sách đặc thù đối với ĐVHC cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp

Để khắc phục những bất cập, hạn chế khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021 và để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Kết luận số 48-KL/TW, Nghị quyết quy định cụ thể việc áp dụng chế độ, chính sách đặc thù đối với ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp. Theo đó: (1) Người dân tiếp tục được hưởng chế độ, chính sách như trước thời điểm sắp xếp (xác định theo địa bàn nơi người dân cư trú); (2) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được áp dụng chế độ, chính sách với mức cao nhất của một trong các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trước khi thực hiện sắp xếp (xác định theo ĐVHC mới nơi công tác); (3) Ngân sách phân bổ cho ĐVHC hình thành sau sắp xếp được tính trên cơ sở cộng gộp định suất của các ĐVHC, của thôn, tổ dân phố trước khi thực hiện sắp xếp, trường hợp điều chỉnh một phần địa giới ĐVHC thì căn cứ nguồn vốn đã phân bổ, tỷ lệ dân số hoặc tỷ lệ diện tích tự nhiên của ĐVHC phải điều chỉnh, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định điều chỉnh phân bổ ngân sách cho các ĐVHC cấp huyện sau sắp xếp, UBND cấp huyện trình HĐND cùng cấp quyết định điều chỉnh phân bổ ngân sách cho các ĐVHC cấp xã sau sắp xếp; (4) Phạm vi và chế độ, chính sách được hưởng theo các Chương trình mục tiêu quốc gia được giữ ổn định như trước thời điểm sắp xếp cho đến khi cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc cho đến hết thời hạn của Chương trình.

Đồng thời, Nghị quyết quy định thời hạn UBND cấp tỉnh tiến hành rà soát, công nhận theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền công nhận các chế

² Thay thế các Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, số 113/2018/NĐ-CP và số 143/2020/NĐ-CP.

độ, chính sách đặc thù đối với ĐVHC hình thành sau sắp xếp là 03 năm kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC có hiệu lực thi hành.

2. Tham mưu Chính phủ ban hành Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 về Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030

Đề chủ động tham mưu trình Chính phủ ban hành sớm Nghị quyết xác định rõ, cụ thể thời gian thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã; trong quá trình xây dựng trình Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tôi đã chỉ đạo Lãnh đạo, công chức Vụ tiến hành đồng thời việc xây dựng dự thảo Nghị quyết của Chính phủ. Theo đó, chỉ 10 ngày sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 nêu trên, Vụ đã kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 về Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 (so với giai đoạn 2019-2021 là hơn 02 tháng mới ban hành được Nghị quyết của Chính phủ).

Nghị quyết của Chính phủ đã xác định cụ thể, chi tiết về lộ trình, nhiệm vụ và trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp trong việc tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, tạo thuận lợi cho các bộ, ngành, địa phương triển khai sớm công tác sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo thẩm quyền.

3. Tham mưu giúp Bộ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 03 công điện chỉ đạo và giao nhiệm vụ cụ thể để các Bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã:

- Công điện số 557/CD-TTg ngày 18/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát, hoàn thiện các quy định về thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030;

- Công điện số 616/CD-TTg ngày 04/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát, hoàn thiện các quy hoạch để thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

- Công điện số 972/CD-TTg ngày 17/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030.

4. Tham mưu Bộ trình Thủ tướng Chính phủ tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai thực hiện công tác sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2023-2030

Tham mưu giúp Bộ trình Thủ tướng Chính phủ chủ trì Hội nghị toàn quốc triển khai thực hiện công tác sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2023-2030 để chỉ đạo các nhiệm vụ triển khai thực hiện sớm, đồng bộ, hiệu quả ngay từ giai đoạn đầu nhằm mục tiêu hoàn thành các yêu cầu, mục tiêu đặt ra của Bộ Chính trị, Quốc hội và

Chính phủ về công tác sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2023-2030, trong đó tập trung triển khai thực hiện hiệu quả giai đoạn trước mắt là 2023-2025.

5. Chủ động đề xuất, tham mưu Lãnh đạo Bộ trong công tác phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương thực hiện công tác sắp xếp ĐVHC

- Chủ động phối hợp, đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi thẩm quyền của mình đã ban hành 13 văn bản hướng dẫn các nội dung liên quan đến sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;

- Tham mưu trình Lãnh đạo Bộ trong công tác phối hợp với 13 Bộ, cơ quan trung ương tham gia ý kiến, trên cơ sở đó tham mưu giúp Lãnh đạo Bộ ký ban hành các văn bản góp ý cụ thể, đầy đủ, chi tiết Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của các tỉnh, thành phố thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 03 năm gần nhất: 2020, 2021 và 2022.

NGƯỜI VIẾT BÁO CÁO

Phan Trung Tuấn

Ý KIẾN CỦA THỨ TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

Nguyễn Duy Thăng

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG BẰNG KHEN THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Đã có thành tích trong việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt): PHẠM THỊ HẬU
- Sinh ngày, tháng, năm: 08/07/1989 Giới tính: Nữ
- Quê quán: Xã Quảng Đại, Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá
- Trú quán: Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Nghề nghiệp: Công chức
- Đơn vị công tác: Vụ Chính quyền địa phương, Bộ Nội vụ
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):. Đảng viên

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan trung ương và địa phương đã triển khai quyết liệt việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021. Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021 cũng còn có một số khó khăn, vướng mắc, như: (1) Số lượng ĐVHC chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định vẫn còn nhiều; (2) Chất lượng đô thị ở một số ĐVHC hình thành sau sắp xếp chưa được bảo đảm theo quy định; (3) Việc bố trí, sắp xếp các trụ sở cơ quan, đơn vị dôi dư và tài sản công tại một số địa phương thực hiện sắp xếp còn vướng mắc; (4) Việc thực hiện các chính sách đặc thù đối với các ĐVHC cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp chưa được hướng dẫn cụ thể.

Thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 và Chương trình công tác năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (ban hành kèm theo Nghị quyết số 674/NQ-UBTVQH15 ngày 26/12/2022), Chính phủ đã

chỉ đạo Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Thực hiện phân công của Lãnh đạo Bộ và Lãnh đạo Vụ Chính quyền địa phương, tôi được phân công tham mưu xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Bám sát quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tôi đã tham mưu, xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết bao gồm: Tờ trình dự thảo Nghị quyết; Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Báo cáo tổng kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ, ngành, địa phương, dự thảo Nghị quyết của Chính phủ ban hành Kế hoạch sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2023-2030. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã trình Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội cho ý kiến thống nhất trước khi trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Quá trình xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết, tôi đã tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, tổ chức các hội thảo, hội nghị lấy ý kiến và tổng hợp, tiếp thu đầy đủ ý kiến tham gia. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết được các cơ quan thẩm định (Bộ Tư pháp), cơ quan thẩm tra (Ủy ban Pháp luật) đánh giá đầy đủ và bảo đảm chất lượng theo quy định. Ngày 12/7/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030.

Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 là cơ sở pháp lý quan trọng để các địa phương tổ chức triển khai nhiệm vụ thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã, góp phần đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách chính sách tiền lương, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị, đảm bảo xây dựng chính quyền địa phương hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Bên cạnh việc cụ thể hoá quan điểm, chỉ đạo của Đảng tại Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, Nghị quyết đã giải quyết triệt để những khó khăn, vướng mắc của quá trình sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021 gặp phải, cụ thể:

Một là, Nghị quyết đã quy định cụ thể các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp, bảo đảm mục tiêu đến năm 2030, đồng thời quy định cụ thể các

an Anh - Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ - 16:44 12/01/2024 - Cao Tuấn Anh - Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ - 16:44 12/01/2024

trường hợp không bắt buộc thực hiện sắp xếp, làm cơ sở để các địa phương đề xuất, xây dựng Phương án sắp xếp. Theo đó, Nghị quyết quy định 05 trường hợp không bắt buộc thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2030 gồm: (1) Có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các ĐVHC liền kề; (2) ĐVHC có đường địa giới hình thành ổn định và từ năm 1945 đến nay chưa có sự thay đổi, điều chỉnh lần nào; (3) ĐVHC có vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh hoặc có đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán riêng biệt mà nếu sắp xếp với ĐVHC liền kề khác dẫn đến mất ổn định về quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội; (4) ĐVHC nông thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển thành ĐVHC đô thị trong giai đoạn 2023 - 2030, có diện tích tự nhiên và quy mô dân số đạt tiêu chuẩn của ĐVHC đô thị theo quy định; (5) ĐVHC đã sắp xếp trong các giai đoạn trước. Đối với 05 trường hợp không bắt buộc thực hiện sắp xếp nêu trên, nếu địa phương thấy cần thực hiện sắp xếp để tổ chức hợp lý ĐVHC cấp huyện, cấp xã thì báo cáo Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định

Hai là, Nghị quyết quy định ĐVHC đô thị hình thành sau sắp xếp phải đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng đô thị theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Phạm vi phân loại đô thị, đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của đô thị dự kiến hình thành sau sắp xếp phải căn cứ vào một trong các quy hoạch là quy hoạch tỉnh, quy hoạch nông thôn, quy hoạch đô thị hoặc các quy hoạch khác có liên quan. Quy định này nhằm hạn chế tình trạng ĐVHC đô thị được mở rộng về quy mô nhưng chưa bảo đảm chất lượng đô thị như trong giai đoạn 2019 - 2021, bảo đảm thực hiện đúng quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về việc “Khắc phục triệt để tình trạng nâng loại đô thị khi chưa đủ tiêu chí”.

Ba là, Nghị quyết yêu cầu ngay trong quá trình xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC thì UBND cấp tỉnh và các Bộ, cơ quan trung ương có đơn vị trực thuộc trên địa bàn phải đồng thời lập danh sách và dự kiến phương án sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công thuộc phạm vi quản lý; trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC có hiệu lực thi hành phải hoàn thành việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, đơn vị tại ĐVHC thực hiện sắp xếp. Quy định này nhằm hạn chế tình trạng chậm giải quyết, xử lý tài sản công dôi dư do sắp xếp ĐVHC dẫn đến hư hỏng, lãng phí trụ sở, tài sản công như đã xảy ra tại một số địa phương trong giai đoạn 2019 -2021.

Bốn là, để khắc phục những tồn tại, hạn chế của việc sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2019-2021, Nghị quyết đã có 1 chương riêng (Chương III) gồm 12 điều quy định cụ thể các nội dung về kiện toàn tổ chức bộ máy và áp dụng các chế độ, chính sách đặc thù của ĐVHC hình thành sau sắp xếp. Theo đó, Nghị quyết quy định

chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC có hiệu lực thi hành, các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC mới phải hoàn thành xong việc sắp xếp và kiện toàn tổ chức bộ máy. Đồng thời, nhằm khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức dôi dư nghỉ việc ngay sau khi sắp xếp ĐVHC, Nghị quyết quy định ngoài các chế độ, chính sách nêu trên, HĐND cấp tỉnh trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư do sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn.

Năm là, Nghị quyết đã quy định cụ thể về việc áp dụng chế độ, chính sách đặc thù đối với ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp. Theo đó, người dân tiếp tục được hưởng chế độ, chính sách như trước thời điểm sắp xếp; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được áp dụng chế độ, chính sách với mức cao nhất của một trong các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trước khi thực hiện sắp xếp; ngân sách phân bổ cho ĐVHC hình thành sau sắp xếp được tính trên cơ sở cộng gộp định suất của các ĐVHC, của thôn, tổ dân phố trước khi thực hiện sắp xếp. Đồng thời, Nghị quyết đã quy định về công nhận ĐVHC cấp xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ĐVHC cấp huyện, cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới; ĐVHC cấp huyện, cấp xã là vùng an toàn khu, huyện nghèo, xã an toàn khu, xã đảo, xã bãi ngang, ven biển, khu vực biên giới; ĐVHC cấp huyện, cấp xã được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, Anh hùng lao động sau sắp xếp. Quy định tại Nghị quyết đã tháo gỡ các vấn đề khó khăn, vướng mắc, lúng túng cho các địa phương trong quá trình thực hiện sắp xếp ĐVHC, bảo đảm quyền và lợi ích của Nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức nơi thực hiện sắp xếp ĐVHC.

Sắp xếp ĐVHC là nhiệm vụ quan trọng, nhạy cảm, phức tạp, tác động lớn đến tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị của địa phương; đồng thời cũng tác động đến tư tưởng, tâm lý của Nhân dân, của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các địa phương, nhất là tại các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp. Đồng thời, đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, là bước cụ thể hóa tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Quốc hội.

Ngay sau khi Nghị quyết được ban hành, thực hiện phân công của Lãnh đạo Bộ, tôi đã tham mưu tổ chức thành công Hội nghị của Chính phủ quán triệt Kết luận số 48/KL Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; xây dựng các báo cáo, văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ về

triển khai thi hành Nghị quyết, bảo đảm tiến độ và yêu cầu nhiệm vụ mà cấp trên giao cho.

III. ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2022	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 1249/QĐ-BNV ngày 27/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ

2. Quyết định công nhận hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:
Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ các năm 2021, 2022 và 2023.

3. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2022	Bằng khen Bộ trưởng	Quyết định số 12/QĐ-BNV ngày 11/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (thành tích đột xuất)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ



Phan Trung Tuấn

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)



Phạm Thị Hậu

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG

